

Số: 05/2024/NQ-HĐND

Điện Biên, ngày 18 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ

trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 02/2023/TT-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025; Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 2624/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Báo cáo thẩm tra của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh số 24/BC-BDT, ngày 16 tháng 6 năm 2024; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật; hướng dẫn triển khai các quy định trong thực hiện cơ chế hỗ trợ phát triển sản xuất theo thẩm quyền.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Đối với các dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

3. Trong quá trình thực hiện, trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bởi văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên Khóa XV kỳ họp thứ Mười bốn thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế các Bộ, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động – Thương binh và xã hội, Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, LĐ UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐ Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ; Đài PTTH tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Trung tâm Thông tin – Hội nghị - Nhà khách tỉnh;
- Cổng TT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Lò Văn Phương



QUY ĐỊNH

Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và cộng đồng; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

2. Các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất tại Quy định này không bao gồm:

a) Hoạt động đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý quy định tại nội dung số 2 trong Tiểu dự án 2 của Dự án 3 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và sinh kế quy định tại Tiểu dự án 1 của Dự án 9 thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Các nội dung khác có liên quan đến việc lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023) của Chính phủ và pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan trong quản lý, tổ chức thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất

1. Đối với dự án, kế hoạch liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị

Mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) nhưng không quá 03 tỷ đồng/01 dự án, kế hoạch liên kết.

2. Đối với dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

Mức hỗ trợ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) nhưng không quá 01 tỷ đồng/01 dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

Điều 4. Nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị

Nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng dẫn của cơ quan Chủ quản chương trình phù hợp với từng chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên thực hiện các nội dung:

1. Đối với nguồn kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

a) Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường;

b) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi;

c) Vật tư, nguyên liệu, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi.

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ;

đ) Phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm;

e) Xây dựng, quản lý dự án.

2. Đối với nguồn kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

a) Tư vấn xây dựng liên kết; chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường;

- b) Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, quản lý chuỗi giá trị, năng lực tìm kiếm, mở rộng thị trường tiêu thụ;
- c) Hướng dẫn áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ;
- d) Hỗ trợ nguyên liệu, giống cây, con, vật tư kỹ thuật;
- đ) Hỗ trợ xây dựng, đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm;
- e) Hỗ trợ chi các hoạt động quảng bá sản phẩm, mở rộng các kênh phân phối.

3. Đối với nguồn kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

- a) Chi phí tư vấn xây dựng liên kết;
- b) Xây dựng mô hình khuyến nông, đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường;
- c) Chuyên gia, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi;
- d) Hạ tầng phục vụ liên kết, bao gồm: máy móc, trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết (nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp);
- đ) Giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm.

Điều 5. Mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành nghề lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp

1. Mẫu hồ sơ

- a) Đơn đề nghị hỗ trợ liên kết (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này).
- b) Dự án, kế hoạch liên kết (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này).
- c) Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này).

d) Ngoài các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1 Điều này, đơn vị chủ trì liên kết, cơ quan quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất bổ sung thêm các nội dung khác cho phù hợp với điều kiện thực tế.

2. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết

- a) Bước 1: Lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị

Đơn vị chủ trì liên kết xây dựng hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch liên kết. Thành phần hồ sơ gồm: các tài liệu theo khoản 1 Điều này; bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đăng ký

kinh doanh hoặc quyết định thành lập; tài liệu chứng minh năng lực của đơn vị chủ trì liên kết và các bên liên quan; bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận hoặc cam kết về tiêu chuẩn, chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; bản sao công chứng hợp đồng hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết; văn bản khác theo quy định của bộ, cơ quan trung ương (nếu có).

b) Bước 2: Tiếp nhận hồ sơ

Đơn vị chủ trì liên kết gửi 01 bộ hồ sơ đề xuất (bản gốc) và file dữ liệu của toàn bộ hồ sơ (định dạng PDF) thực hiện dự án, kế hoạch liên kết đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ:

Cấp tỉnh: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (đối với nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới), Sở Lao động – Thương binh và Xã hội (đối với nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững), Ban Dân tộc (đối với nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) tiếp nhận hồ sơ đối với các dự án, kế hoạch liên kết triển khai trên địa bàn 02 đơn vị cấp huyện trở lên và các dự án, kế hoạch sử dụng vốn giao cho các cơ quan cấp tỉnh theo nguồn vốn đề xuất của từng Chương trình mục tiêu quốc gia. Đối với các dự án, kế hoạch liên kết sử dụng nguồn vốn lồng ghép giữa các Chương trình mục tiêu quốc gia thì nguồn vốn đề xuất của Chương trình nào lớn hơn sẽ do cơ quan quản lý nguồn vốn đó tiếp nhận hồ sơ.

Cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tiếp nhận hồ sơ đối với các dự án, kế hoạch liên kết triển khai trên địa bàn huyện (thị xã, thành phố).

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

c) Bước 3: Thẩm định

Đối với các dự án, kế hoạch liên kết triển khai trên địa bàn từ 02 huyện (thị xã, thành phố) trở lên: Cơ quan, đơn vị tiếp nhận hồ sơ chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập Hội đồng thẩm định do đồng chí Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Chủ tịch Hội đồng; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết, lãnh đạo các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh; các ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Đối với các dự án, kế hoạch liên kết triển khai trên địa bàn 01 huyện (thị xã, thành phố): Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có dự án, kế hoạch liên kết thành lập Hội đồng thẩm định do lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện làm chủ tịch Hội đồng; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, kế hoạch liên kết, đại diện lãnh đạo các phòng chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Hội đồng tổ chức thẩm định. Nếu hồ sơ đủ điều kiện thì cơ quan chủ trì tham mưu thẩm định trình cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt; nếu hồ sơ không đủ điều kiện thì trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thẩm định, cơ quan chủ trì tham mưu thẩm định phải thông báo và nêu rõ lý do cho chủ trì liên kết được biết.

d) Bước 4: Phê duyệt

Trên cơ sở kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng các Sở, ban, ngành trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thực hiện trên địa bàn từ 02 huyện (thị xã, thành phố) trở lên. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết triển khai trên địa bàn huyện (thị xã, thành phố).

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được báo cáo kết quả thẩm định của Hội đồng thẩm định, cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt dự án theo phân cấp.

đ) Bước 5: Trả kết quả

Đến hạn, đại diện chủ trì liên kết đến trụ sở đơn vị tiếp nhận hồ sơ để nhận kết quả (trường hợp nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan cung cấp dịch vụ bưu chính).

3. Tiêu chí lựa chọn

a) Các dự án, kế hoạch liên kết phải đảm bảo các nguyên tắc quản lý hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) và các nguyên tắc của từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Dự án, kế hoạch liên kết phải đảm bảo điều kiện hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) và điều kiện cụ thể của từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Chi tiết tiêu chí lựa chọn tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 6. Nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng

1. Nội dung hỗ trợ

Nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia theo hướng dẫn của cơ quan Chủ quản chương trình phù hợp với từng chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên thực hiện các nội dung:

a) Đối với nguồn kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm;

Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ;

Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi;

Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ;

Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả;

Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao;

Xây dựng, quản lý dự án.

b) Đối với nguồn kinh phí của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tập huấn, phổ biến kiến thức, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho người tham gia dự án;

Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất;

Phát triển ngành nghề và dịch vụ: thiết kế nhà xưởng; hướng dẫn vận hành máy móc, thiết bị; thiết bị, vật tư sản xuất; dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm;

Các hoạt động đa dạng hóa sinh kế khác do cộng đồng đề xuất, phù hợp với phong tục, tập quán, nhu cầu của cộng đồng.

Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả;

Xây dựng, quản lý dự án.

2. Mẫu hồ sơ

a) Biên bản họp thôn, bản (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này).

b) Danh sách thành viên cộng đồng dân cư (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này).

c) Đơn đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này).

d) Dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (theo Mẫu số 07 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy định này).

e) Ngoài các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều này, cộng đồng dân cư, cơ quan quản lý dự án hỗ trợ phát triển sản xuất bổ sung thêm các nội dung khác cho phù hợp với điều kiện thực tế.

3. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất

a) Bước 1: Xây dựng dự án, phương án sản xuất

Cộng đồng dân cư xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất, dịch vụ theo mẫu quy định tại khoản 2 Điều này và gửi cơ quan, đơn vị được UBND cấp huyện giao chủ trì, tham mưu tổ chức thẩm định các dự án, phương án sản xuất 01 bộ hồ sơ (bản gốc).

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, nếu hồ sơ không hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

b) Bước 2: Thẩm định

Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định. Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là đồng chí Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đề xuất của cộng đồng, lãnh đạo các phòng chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết).

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định. Nếu dự án không đủ điều kiện thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định, cơ quan có thẩm quyền thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

c) Bước 3: Phê duyệt

Căn cứ ý kiến thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng các phòng, ban trực thuộc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ do cộng đồng dân cư đề xuất.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được báo cáo kết quả thẩm định của Tổ thẩm định, cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt dự án theo phân cấp.

d) Bước 5: Trả kết quả

Đến hẹn, đại diện cộng đồng dân cư đến trụ sở đơn vị tiếp nhận hồ sơ để nhận kết quả (trường hợp nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan cung cấp dịch vụ bưu chính).

4. Tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất

a) Đảm bảo các nguyên tắc quản lý hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất quy định tại Điều 20 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) và các nguyên tắc của từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Đảm bảo điều kiện hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP) và điều kiện cụ thể của từng Chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Chi tiết tiêu chí lựa chọn tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy định này./.

Phụ lục I
MẪU HỒ SƠ

*(Kèm theo Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)*

Mẫu số 01: Đơn đề nghị hỗ trợ liên kết

Tên chủ trì liên kết

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

V/v hỗ trợ liên kết trong ... (ngành, nghề, lĩnh vực khác) ...

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên;
- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Giấy đăng ký kinh doanh số ngày cấp

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:..... Email:

Căn cứ chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị của..... (Tên Chương trình Mục tiêu quốc gia).....,(tên đối tượng tham gia liên kết)..... đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên (hoặc Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố):

I. Thông tin chung

1. Loại sản phẩm liên kết:

2. Địa bàn thực hiện:

3. Quy mô liên kết:

4. Tổng nguồn vốn (vốn ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn của các thành viên tham gia liên kết, vốn tín dụng ưu đãi):

5. Tiến độ thực hiện dự kiến:

II. Đề nghị hỗ trợ của nhà nước

1. Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường:

2. Chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi:

3. Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất:

4. Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ:

5. Phân tích các chỉ tiêu an toàn, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm:

6. Xây dựng, quản lý dự án:

7. Tư vấn xây dựng liên kết; chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường:

8.

(Các nội dung đề nghị hỗ trợ chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. Cam kết: (tên chủ trì liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. Tài liệu kèm theo (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):

1.

2./.

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02: Dự án, kế hoạch liên kết

Tên chủ trì liên kết **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/..... , ngày.....tháng.....năm.....

DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ
.....(tên hình thức liên kết).....

Phần I**GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN, KẾ HOẠCH LIÊN KẾT**

I. Tên dự án. Kế hoạch liên kết:

II. Các đối tượng tham gia

1. Chủ trì liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số, ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:E-mail:

b) Tên đơn vị tham gia liên kết:

- Người đại diện theo pháp luật:

- Chức vụ:

- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại:..... Fax:E-mail:

c)

3. Số lượng hộ gia đình tham gia liên kết (phân theo từng loại đối tượng theo từng chương trình mục tiêu quốc gia quy định):

III. Địa điểm thực hiện Dự án, kế hoạch:

IV. Căn cứ pháp lý xây dựng dự án, kế hoạch (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)

Phần II

NỘI DUNG DỰ ÁN, KẾ HOẠCH

I. Mục tiêu của dự án, kế hoạch:.....

II. Tổng quan về liên kết trước khi thực hiện dự án, kế hoạch và sự cần thiết xây dựng dự án, kế hoạch liên kết

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn (điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án, kế hoạch liên kết):

2. Tổng quan về liên kết trước khi thực hiện dự án, kế hoạch liên kết (Kết quả thực hiện liên kết trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian liên kết lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, báo cáo khái quát tình hình sản xuất lĩnh vực liên kết trong 3 năm gần nhất).

3. Sự cần thiết xây dựng dự án, kế hoạch liên kết.

III. Nội dung của dự án, kế hoạch

1. Sản phẩm thực hiện liên kết:

2. Quy mô liên kết:

3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:

4. Hình thức liên kết:

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

6. Thị trường sản phẩm của dự án, kế hoạch liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án, kế hoạch liên kết.

7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án, kế hoạch vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

IV. Các nội dung đề nghị hỗ trợ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ (số lượng, nội dung, thời gian, kinh phí ...)

- 1.1. Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường:
- 1.2. Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi:
- 1.3. Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất:
- 1.4. Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ:
- 1.5. Phân tích các chỉ tiêu an toàn, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm:
- 1.6. Xây dựng, quản lý dự án:
- 1.7. Tư vấn xây dựng liên kết; chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường:
- 1.8.

(Các nội dung đề nghị hỗ trợ chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

3. Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)

4. Tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn: ngân sách nhà nước (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm), vốn của chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện các chính sách:

5. Các hồ sơ gửi kèm (chủ trì dự án, kế hoạch liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết):

V. Kế hoạch tổ chức thực hiện dự án, kế hoạch

(Chủ đầu tư xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án, kế hoạch liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án, kế hoạch liên kết)

VI. Tổ chức thực hiện

VII. Dự kiến hiệu quả và tác động của dự án, kế hoạch

1. Hiệu quả của dự án, kế hoạch liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội):
2. Tác động của dự án, kế hoạch liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):

VIII. Xử lý vi phạm

Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết, đối tượng tham gia liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

Phần III

CAM KẾT TRÁCH NHIỆM VÀ KIẾN NGHỊ

I. Các nội dung cam kết trách nhiệm trong thực hiện dự án, kế hoạch liên kết

1. Làm rõ trách nhiệm và cam kết của chủ trì liên kết, các bên tham gia liên kết. Trong đó làm rõ cam kết về: Chất lượng sản phẩm, dịch vụ và bố trí vốn của chủ trì liên kết, các bên liên kết để thực hiện các nội dung, hoạt động dự án, kế hoạch; nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan.

II. Đề xuất và kiến nghị

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án, kế hoạch liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án, kế hoạch liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 03: Bản thỏa thuận cử đơn vị chủ trì liên kết**BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

Ngày tháng năm , tại
....., chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail
2. Tên đơn vị tham gia liên kết:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Chức vụ:
- Giấy đăng ký kinh doanh số , ngày cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: , Fax: E-mail
3.

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ trì liên kết như sau:

I. Đơn vị chủ trì liên kết:

II. Thông tin chung về liên kết

1. Địa bàn liên kết:
2. Sản phẩm thực hiện liên kết:
3. Quy mô liên kết:
4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết:
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết:

III. Tổng mức đầu tư của liên kết: đồng, trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: đồng.
2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: đồng, gồm:
 - (tên đơn vị tham gia liên kết).....:đồng.
 - (tên đơn vị tham gia liên kết).....:đồng.
3. Các nguồn vốn khác: đồng.

IV. Thực hiện liên kết

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)
2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thànhbản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữbản, chủ trì dự án liên kết giữbản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 04: Biên bản họp thôn, bản

UBND XÃ....
Thôn, bản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(Tên thôn/bản), ngày tháng năm

BIÊN BẢN HỌP CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Hôm nay, ngày tháng năm 20...., tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp thôn/bản..... đã tổ chức họp để:..... (nêu mục đích cuộc họp).

1. Thành phần: (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì); Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh); Thành phần tham gia khác: Đại diện Ủy ban nhân dân huyện (nếu có), Đại diện Ủy ban nhân dân xã, các tổ chức, đoàn thể, các hộ dân trong cộng đồng dân cư hoặc các thành viên của Tổ hợp tác có cùng nguyện vọng tham gia thực hiện dự án, số lượng đối tượng tham gia:....

2. Nội dung cuộc họp

2.1. Thống nhất việc cử người đại diện của cộng đồng dân cư trong thực hiện xây dựng, hỗ trợ dự án/phương án sản xuất cộng đồng như sau:

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Ông/bà: (người đại diện theo pháp luật cộng đồng) sẽ chịu trách nhiệm ký các thủ tục, hồ sơ có liên quan của tổ/nhóm cộng đồng khi tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo quy định của pháp luật và xin ý kiến các thành viên tổ, nhóm đối với các vấn đề quan trọng cần quyết định của tập thể.

2.2. Thống nhất đề xuất xây dựng dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng như sau:

- a. Sự cần thiết
- b. Tên dự án/phương án
- c. Địa điểm, thời gian, quy mô thực hiện
- d. Các hoạt động
- e. Nội dung đề nghị hỗ trợ
- f. Dự toán kinh phí thực hiện (chi tiết nguồn vốn)
- g. Hình thức quay vòng (nếu có)
- h. Hiệu quả, kết quả đầu ra

i. Trách nhiệm của các bên tham gia

2.3. Lập danh sách các đối tượng tham gia dự án/phương án như sau:

TT	Họ tên người đại diện hộ gia đình tham gia dự án/phương án	Địa chỉ	Hộ gia đình thuộc diện (HN, HCN, HMTN, khác)	Lao động trong độ tuổi (Người)	Dân tộc	Nội dung đăng ký hỗ trợ	Đối ứng của hộ (Ghi rõ đối ứng bằng tiền hoặc hiện vật)	Đăng ký vay vốn từ Ngân hàng CSXH (triệu đồng)	Ký xác nhận hoặc dấu tay điểm chỉ	Ghi chú
1	Lò Văn A									Đại diện cộng đồng

Các thành viên tham gia dự án/phương án cam kết sẽ bố trí đủ kinh phí đối ứng để cùng thực hiện dự án/phương án theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.

Cuộc họp đã kết thúc vào... giờ... cùng ngày. Các thành viên tham dự đã thống nhất nội dung biên bản./.

Thư ký cuộc họp
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện UBND xã
(Ký, ghi rõ họ tên)

Chủ trì (Trưởng thôn/bản)
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú: Nếu dự án triển khai trên địa bàn nhiều xã, bổ sung thành phần UBND cấp huyện.

Mẫu số 05: Danh sách thành viên cộng đồng dân cư**Tên cộng đồng dân cư****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngàytháng năm

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ

Căn cứ biên bản họp cộng đồng dân cư ngày

Cộng đồng dân cư lập danh sách thành viên gồm những người có tên sau:

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số CCCD hoặc hộ chiếu	Chữ ký

Xác nhận của UBND cấp xã
(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)**Đại diện cộng đồng**
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 06: Đơn đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**Tên cộng đồng dân cư****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ**V/v hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng****Kính gửi:**

- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố
- Ủy ban nhân dân xã

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Căn cứ chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc
 (Tên Chương trình Mục tiêu quốc gia).....,(tên người đại diện cộng đồng dân cư)..... đề nghị Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân xã hỗ trợ thực hiện dự án/phương án phát triển sản xuất cộng đồng với các nội dung sau:

I. Thông tin chung

1. Loại sản phẩm hỗ trợ:
2. Tiến độ thực hiện:
3. Tổng nguồn vốn (*vốn ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn của các thành viên tham gia liên kết, vốn tín dụng ưu đãi*):

II. Các nội dung đề nghị hỗ trợ

(Các nội dung đề nghị hỗ trợ chi tiết theo loại hình hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của từng Chương trình mục tiêu quốc gia)

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

III. Cam kết: (tên người đại diện cộng đồng) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia theo nội dung đã đăng ký và dự án/phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. Tài liệu kèm theo (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):

1.

2./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG
DÂN CƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 07: Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN
HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CỘNG ĐỒNG

1. Đại diện cộng đồng dân cư (gồm: tên người đại diện, số định danh cá nhân hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc)
2. Mục tiêu dự án/ phương án (mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, dự kiến số hộ thoát nghèo)
3. Đối tượng tham gia
4. Thời gian triển khai
5. Địa bàn thực hiện
6. Các hoạt động của dự án/phương án
7. Dự toán kinh phí thực hiện: ngân sách nhà nước hỗ trợ, vốn tín dụng ưu đãi, vốn lồng ghép thực hiện và vốn đối ứng các hộ tham gia (nếu có)
8. Hình thức, mức quay vòng vốn (nếu có)
9. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện; Trách nhiệm cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp
10. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết
11. Tổ chức thực hiện dự án
12. Các nội dung khác liên quan

NGƯỜI ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ
(Ký và ghi rõ họ tên)

Phụ lục II
TIÊU CHÍ LỰA CHỌN

(Kèm theo Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điện Biên)

TT	Tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết			Tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng		
	Nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Nguồn vốn Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	Nguồn vốn Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới	Nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	Nguồn vốn Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	Nguồn vốn Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới
1	Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất là hỗ trợ có điều kiện; thời gian hỗ trợ theo chu kỳ sản xuất hoặc theo thời hạn đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia. Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình phát triển sản xuất thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.					
2	Ưu tiên sử dụng giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa, dịch vụ khác do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án.					
3	Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.					
4	Phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; Phù hợp với lợi thế so sánh, thế mạnh của từng vùng, miền; phù hợp với nhu cầu thị trường và bảo đảm tính hiệu quả bền vững					
5	Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.			Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận		
6	Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.			Hộ tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án, phương án		

7	Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), HTX tham gia vào chuỗi giá trị có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số	Đảm bảo công khai, dân chủ, bình đẳng giới, có sự tham gia và cam kết của người dân trong việc xây dựng và thực hiện dự án		Ưu tiên hộ nghèo là người dân tộc thiểu số; hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động. Ưu tiên dự án do nhóm hộ, tổ hợp tác có trên 50% số thành viên là phụ nữ đề xuất.	Đảm bảo công khai, dân chủ, bình đẳng giới, có sự tham gia và cam kết của người dân trong việc xây dựng và thực hiện dự án	
8	Hỗ trợ phát triển sản xuất có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất các sản phẩm đặc sản, đặc hữu, có lợi thế so sánh, có giá trị kinh tế cao, có ý nghĩa quan trọng đối với giảm nghèo, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai, thúc đẩy bình đẳng giới, hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh	Ưu tiên hỗ trợ tham gia dự án mô hình giảm nghèo đối với người lao động thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo và hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện dự án mô hình giảm nghèo.		Hỗ trợ phát triển sản xuất có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên hỗ trợ phát triển sản xuất các sản phẩm đặc sản, đặc hữu, có lợi thế so sánh, có giá trị kinh tế cao, có ý nghĩa quan trọng đối với giảm nghèo, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu, quản lý rủi ro thiên tai, thúc đẩy bình đẳng giới, hỗ trợ sản xuất gắn với củng cố quốc phòng an ninh	Ưu tiên hỗ trợ tham gia dự án mô hình giảm nghèo đối với người lao động thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo và hộ cận nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo. Tạo điều kiện để người yếu thế, dễ bị tổn thương, có hoàn cảnh khó khăn được tham gia thực hiện dự án mô hình giảm nghèo.	